

## MẤY Ý NGHĨ VỀ THƠ

(Trích)

NGUYỄN ĐÌNH THI

### TIỂU DẪN

Nguyễn Đình Thi (1924 - 2003) quê ở Hà Nội, ra đời và sống những năm thơ ấu ở Lào, sau về nước học ở Hà Nội và Hải Phòng. Ông tham gia phong trào yêu nước từ trước năm 1945. Tháng 8 - 1945, Nguyễn Đình Thi được cử vào Ủy ban Giải phóng dân tộc Việt Nam. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, ông là Tổng thư ký Hội Văn hoá cứu quốc, tham gia Ban thường trực Quốc hội. Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, Nguyễn Đình Thi lên Việt Bắc, tham gia Ban Chấp hành Hội Văn nghệ Việt Nam. Ông là Tổng thư ký Hội Văn nghệ và Hội Nhà văn Việt Nam trong nhiều khoá, từng đảm nhiệm cương vị Chủ tịch Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam. Nguyễn Đình Thi được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học và nghệ thuật năm 1996.

Nguyễn Đình Thi là một nghệ sĩ đa tài, có đóng góp trên nhiều lĩnh vực nghệ thuật : thơ, tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch, phê bình, tiểu luận. Tác phẩm văn học chính của ông, về thơ : *Người chiến sĩ* (1956), *Bài thơ Hắc Hải* (1958),

*Dòng sông trong xanh* (1974), *Tia nắng* (1983), *Trong cát bụi* (1992), *Sông reo* (2001) ; về tiểu thuyết : *Xung kích* (1951), *Vỡ bờ* (tập I - 1962, tập II - 1970) ; về kịch : *Con nai đen* (1961), *Rừng trúc* (1978), *Nguyễn Trãi ở Đông Quan* (1979) ; về tiểu luận - phê bình : *Mấy vấn đề văn học* (1956), *Công việc của người viết tiểu thuyết* (1964).

Tiểu luận *Mấy ý nghĩ về thơ* được viết từ năm 1949, về sau được đưa vào tập *Mấy vấn đề văn học*.

\*  
\*   \*  
\*

Từ trước đến nay đã có nhiều định nghĩa về thơ, nhưng lời định nghĩa nào cũng vẫn không đủ. Có người nghĩ rằng thơ là những lời đẹp. Nhưng đâu phải như vậy. Dưới ngọn bút của Hồ Xuân Hương, những chữ tầm thường của lời nói hằng ngày, nôm na mách quế, đã trở thành những lời thơ được truyền tụng mãi. Và Nguyễn Du không những để lại những câu thơ như "Mai cốt cách, tuyết tinh thần", mà còn viết :

*Thoắt trông lờn lợt màu da,  
Ăn chi to béo<sup>(1)</sup> đẩy đà làm sao !*

Cũng không phải thơ là ở những đề tài "đẹp", phong hoa tuyết nguyệt của các cụ ngày xưa, hoặc những nhớ mong sâu lụy của các chàng và nàng một thời trước Cách mạng. Nhà thơ Pháp Bô-đơ-le (Baudelaire) đã làm bài thơ nổi tiếng về cái xác chó chết đầy giòi bọ, và ở thời chúng ta, cái xe đạp, khẩu ba dờ ca<sup>(2)</sup>, cho đến cái ba lô trên vai chiến sĩ, bóng dây thép gai hung ác của đồn giặc, đều có thể đem nói trong thơ. Nhà thơ ngày nay không đi tìm cái muôn đời viễn vông bên ngoài cuộc sống thực của con người.

Một nhà phê bình cho rằng thơ khác với các thể văn khác ở chỗ thơ in sâu vào trí nhớ. Một câu, hoặc một bài thơ hay thì có đặc điểm là ghi ngay vào trí nhớ của ta, làm cho ta không quên được nữa. Văn xuôi trôi lại, trôi qua trí nhớ của ta. Cái hay của một đoạn văn xuôi còn lại sau khi đã quên hết đoạn văn ấy. Còn đặc tính của bài thơ là in lại, từ gọi từ, câu gọi câu, đọc từ trước phải đến từ sau, đọc câu trước phải đến câu sau, không thể nào khác.

Nhưng những nhận xét tài tình trên đây của nhà phê bình vẫn chưa cất nghĩa được vì sao thơ có hiệu quả làm cho ta nhớ. Và cũng có những cái ta rất nhớ, ví dụ những công thức toán học, nhưng lại không phải là thơ.

Đầu mối của thơ có lẽ ta đi tìm bên trong tâm hồn con người chăng ? Ta nói trời xanh hôm nay nên thơ nhưng chính ra là lòng chúng ta mang một nỗi niềm vui buồn nào mà muốn làm thơ hoặc đọc thơ về trời xanh. Mùa phùng buổi chiều gọi những câu thơ nào nhớ nhưng, nhưng chính nỗi nhớ nhưng gặp buổi chiều mưa mà muốn thì thậm chí những câu thơ chưa thành hình rõ.

(1) Nhiều bản chép là *Ăn chi to lớn...*

(2) *Ba dờ ca* : vũ khí hình ống, phóng đạn theo nguyên lí phản lực, chủ yếu dùng để bắn xe tăng và các mục tiêu rắn chắc, kiên cố.

[...] Tâm hồn chúng ta có một rung động thơ khi nó ra khỏi tình trạng bình thường, khi nó không còn chuỗi theo thói quen như một dây da trong bộ máy, khi nó thức tỉnh tự soi vào nó để tự nhận thấy đang ở một độ rung chuyển khác thường, do một sự va chạm nào với thế giới bên ngoài, với thiên nhiên, với những người khác, rồi do sự tự soi sáng ấy mà cảm xúc thành hình được hẳn.

Làm thơ, ấy là dùng lời và những dấu hiệu thay cho lời nói, tức là chữ – để thể hiện một trạng thái tâm lý đang rung chuyển khác thường. Làm thơ là đang sống, không phải chỉ nhìn lại sự sống, làm một câu thơ yêu, tâm hồn cũng rung động như khi có người yêu trước mặt. Bài thơ là những câu, những lời diễn lên, làm sống ngay lên một tình cảm, một nỗi niềm trong lòng người đọc. Bài thơ là sợi dây truyền tình cảm cho người đọc. Ta nói truyền sang hình như người đọc chỉ đứng yên mà nhận. Nhưng kì thực, cái trạng thái tâm lý truyền sang ấy là người đọc tự tạo cho mình, khi nhìn những chữ, khi nghe những lời, khi mọi sợi dây của tâm hồn rung lên vì chạm thấy những hình ảnh, những ý nghĩ, những mong muốn, những tình cảm mà lời và chữ của bài thơ kéo theo đằng sau như vùng sáng xung quanh ngọn lửa.

Nói đến hình ảnh trong thơ. Thơ là tiếng nói đầu tiên, tiếng nói thứ nhất của tâm hồn khi đụng chạm với cuộc sống. Toé lên ở những nơi giao nhau của tâm hồn với ngoại vật, trước hết là những cảm xúc. Cảm xúc là phần thịt xương hơn cả của đời sống tâm hồn.

Thơ phải có tư tưởng, có ý thức, vì bất cứ cảm xúc, tình tự<sup>(1)</sup> nào của con người cũng dính liền với sự suy nghĩ. Nhưng tư tưởng trong thơ là tư tưởng dính liền với cuộc sống, ở trong cuộc sống. Tư tưởng của thơ nằm ngay trong cảm xúc, tình tự. Không ai đọc thơ riêng bằng trí thức<sup>(2)</sup> mà yêu thơ. Hiểu thơ kì thực là vấn đề của cả tâm hồn.

Nên thơ không nói bằng ý niệm thuần túy. Nói bằng ý niệm chúng ta sẽ có triết học, luận lý hay vệ sinh chứ không có thơ. Thơ tìm nói với một sự suy nghĩ toàn diện hơn là suy nghĩ riêng theo luận lý. Thơ muốn lay động những chiều sâu của tâm hồn, đem cảm xúc mà đi thẳng vào sự suy nghĩ.

*Trên trời có đám mây xanh  
Ở giữa mây trắng, xung quanh mây vàng  
Ước gì anh lấy được nàng...*

Nhà luận lý ngồi khảo cứu mãi xem vì sao mà chuyện mây trắng mây vàng lại đưa đến chuyện anh với nàng. Luận lý chưa hiểu, nhưng cả tâm hồn chúng ta đã hiểu và âm vang theo.

[...] Cho nên làm thơ không phải là phiên dịch ý tình bằng hình ảnh câu kì.

Hình ảnh của thơ trái lại, phải là hình ảnh thực nảy lên trong tâm hồn khi ta sống trong một cảnh huống hoặc trạng thái nào đấy. Đụng chạm với hành động hằng ngày,

(1) *Tình tự* : tình cảm.

(2) *Trí thức* : lí trí (nghĩa trong văn cảnh).

tâm hồn nảy lên bao nhiêu hình ảnh như những tia lửa toé lên khi búa đập vào sắt trên đe. Người làm thơ lượm những tia lửa ấy, kết nên một bó sáng, nó là hình ảnh thơ. Người chinh phụ đứng trước nhà ngóng theo bóng chồng, chỉ còn nghe thấy tiếng địch thổi, bấy giờ nói lên cho ta điều ấy và thơ Việt Nam đã có câu : "Tiếng địch thổi nghe chùng đồng vọng"<sup>(1)</sup>. Câu thơ giản dị như câu nói thường mà ngân vang mãi. Thơ là nơi tư tưởng, tình tự, quán quýt với hình ảnh như hồn với xác để tạo ra cái biết toàn thể, biết bằng tất cả tâm hồn, không phải chỉ biết bằng ý niệm, bằng ý thức.

[...] Thực trong thơ, là tìm được những hình ảnh sống, những hình ảnh có sức lôi cuốn và thuyết phục người đọc. Người làm thơ bắt chợt trong lòng mình một ý nghĩ hay tình cảm, dù thành thực và sâu sắc, cũng không vội dừng lại, đem những tiếng có vần điệu chằng lưới bắt lấy ý nghĩ hay tình cảm ấy. Anh ta còn phải thấy được những hình ảnh trong ý nghĩ hay tình cảm của mình, thì tiếng nói của anh mới truyền cảm sâu sắc được cho người khác.

"Tìm hình ảnh", nói như vậy tưởng chừng việc làm thơ là đào vào trong tâm hồn mình, cố gắng nặn nọt. Cũng có trường hợp như vậy, nhưng thực ra đáng lẽ là nhà thơ đi giữa cuộc đời, mở rộng cả tâm hồn mình thì mỗi con mắt nhìn gặp trên đường, mỗi cảnh ngộ, mỗi con người cho đến mỗi tiếng nghe thấy, mỗi giọt nắng, mỗi chiếc lá tự nhiên mà vào trong lòng, để rồi đọng sâu đến tư tưởng và tình cảm. Trong việc làm thơ bấy giờ, hình ảnh tự nhiên hiện lên trước nhất.

Những hình ảnh còn tươi nguyên, mà nhà thơ tìm thấy, bao giờ cũng mới mẻ, đột ngột lạ lùng. Vì nhà thơ nhìn bằng con mắt của người đầu tiên. Đó là những hình ảnh mới tinh, chưa có vết nhòa của thói quen, không bị rập khuôn vào những ý niệm trừu tượng định trước. Mượn câu nói của một nhà văn Pháp, nhà thơ bao giờ cũng là ngôi thứ nhất. Nhưng những hình ảnh mới lạ ấy đều ở trong đời thực, chúng ta đều thấy. Hình ảnh của thơ vừa làm ta ngạc nhiên, vừa đã quen với chúng ta tự bao giờ. Câu thơ đột ngột làm cho ta nhận thấy những cái gần gũi nhất với chúng ta. Trước kia, ta vẫn gặp mà không biết nhìn.

[...] Chữ buồn ai cũng hiểu nghĩa, nhưng nói "tôi buồn" chưa làm cho ai buồn cả. Đó mới là một ý niệm. Cũng như nói trời lạnh, hoa trắng, ai cũng biết cả, nhưng chưa đủ làm cho ai thấy lạnh, thấy trắng. Mỗi chữ và tiếng mới như một ngọn nến trắng cất bằng giấy dán trên nền đen. Mỗi ngọn nến vẫn trắng như nền đen vẫn đen. Mỗi chữ là một nghĩa nhưng bài thơ vẫn chưa có hồn.

Chữ và tiếng trong thơ phải còn có một giá trị khác, ngoài giá trị ý niệm. Người làm thơ chọn chữ và tiếng không những vì ý nghĩa của nó, cái nghĩa thế nào là thế ấy, đóng lại trong một khung sắt. Điều kì diệu của thơ là mỗi tiếng, mỗi chữ, ngoài cái nghĩa của nó, ngoài công dụng gọi tên sự vật, bỗng tự phá tung mở rộng ra, gọi đến xung quanh nó những cảm xúc, những hình ảnh không ngờ, toả ra xung quanh nó một vùng ánh sáng

---

(1) Câu thơ trong *Chinh phụ ngâm* (Đặng Trần Côn – Đoàn Thị Điểm).

động đậy. Sức mạnh nhất của câu thơ là ở sức gợi ấy. Câu thơ hay, có cái gì làm rung những chiếc cốc kia trên bàn, làm động ánh trăng kia trên bờ đê. "Chim hôm thoi thót về rừng"<sup>(1)</sup>... Chúng ta đọc mà thấy rõ buổi chiều như hơi thở tắt dần, câu thơ không còn là một ý, một bức ảnh gắng gượng chụp lại cảnh chiều, nó đã bao phủ một vầng linh động truyền sang lòng ta cái nhịp phập phồng của buổi chiều. Mỗi chữ như một ngọn nến đang cháy, những ngọn nến ấy xếp bên nhau thành một vùng sáng chung. Ánh sáng không những ở đâu ngọn nến, nó ở tất cả xung quanh những ngọn nến. Ý thơ không những trong những chữ, nó vây bọc xung quanh. Người xưa nói : Thi tại ngôn ngoại<sup>(2)</sup> .

Cái kì diệu ấy của tiếng nói trong thơ, có lẽ chúng ta tìm nó trong nhịp điệu, trong nhạc của thơ. Nhịp điệu của thơ không những là nhịp điệu bằng bằng, trắc trắc, lên bổng xuống trầm như tiếng đàn êm tai, một người ngoại quốc không biết tiếng ta cũng có thể nghe thấy được. Nhạc của thơ không giới hạn ở thứ nhạc ngoài tai ấy. Thơ có một thứ nhạc nữa, một thứ nhịp điệu bên trong, một thứ nhịp điệu của hình ảnh, tình ý, nói chung là của tâm hồn. Ngâm thơ véo von mới làm cho ta nghe thấy tiếng bổng trầm của bằng trắc, chép thơ, đọc thơ bằng mắt, hoặc đọc lên như khi ta nói, có lẽ dễ cho chúng ta nghe thấy hơn tiếng nhịp điệu thực của thơ. Đó là nhịp điệu hình thành của những cảm xúc, hình ảnh, liên tiếp hoà hợp, mà những tiếng và chữ gọi ra như những ngân vang dài, ngay những khoảng lung linh giữa chữ, những khoảng im lặng cũng là nơi trú ngụ kín đáo của sự xúc động.

Đường đi của thơ là con đường đưa thẳng vào tình cảm, không quanh co, qua những chặng, những trung gian, những cột cây số. Văn xuôi lời cuốn người như dòng nước, đưa ta đi lần lượt, từ điểm này qua điểm khác. Thơ, trái lại, chỉ chọn một ít điểm chính, bám vào những điểm ấy thì toàn thể động lên theo.

Thơ là tổng hợp, kết tinh. Văn xuôi được phép không mười phần hoàn hảo, nhưng thơ thì luôn luôn đòi hỏi sự toàn bích.

Cuối cùng, tôi muốn nói tới vấn đề thơ tự do, thơ không vần. Theo tôi, những luật lệ của thơ, từ âm điệu, đến vần, đều là những vũ khí rất mạnh trong tay người làm thơ. Nhưng không phải hề thiếu những vũ khí ấy là trận đánh nhất định thua. Thiếu vũ khí ấy, trận đánh gay go thêm nhiều, nhưng người làm thơ vẫn có thể thắng.

Câu chuyện vần hay không vần ở thơ ta gần đây cũng được đem ra bàn cãi. Có bạn cho rằng thơ Việt Nam, khác với thơ các nước, không thể thiếu vần. Tiếng Việt Nam có đúng riêng hẳn như thế không ? Thơ Việt Nam có thể bỏ vần mà vẫn Việt Nam hay không ? Thiết tưởng cách đáp hay hơn cả là để cho tìm tòi, thử thách. Không có lí luận nào bằng sự thử thách của thực tại.

---

(1) Câu thơ trong *Truyện Kiều* (Nguyễn Du).

(2) *Thi tại ngôn ngoại* : thơ ở ngoài lời. *Thơ ở đây* có thể hiểu là ý thơ. Người ta thường nói ý tại ngôn ngoại (ý ở ngoài lời).

Riêng tôi nghĩ rằng, không có vấn đề thơ tự do, thơ có vần và thơ không có vần. Chỉ có thơ thực và thơ giả, thơ hay và thơ không hay, thơ và không thơ. Mỗi thể thơ có một khả năng, một thứ nhịp điệu riêng của nó, nhưng nếu theo dõi những thời lớn của thơ đi cùng nhịp với những thời kì lớn của lịch sử, thì một thời đại mới của nghệ thuật thường bao giờ cũng tạo ra một hình thức mới. Thơ của một thời mới, trong những bước đầu, ít khi chịu những hình thức đều đặn, cố định. Nó chạy tung về những chân trời mở rộng để tìm kiếm, thử sức mới của nó. Rồi thời đại vững lại, thơ nảy nở trong những hình thức trong sáng đã tìm thấy.

Những hình thức ấy gồm có những phát minh mới, cùng với những hình thức cũ, nhưng bao giờ cũng đã tái tạo và nâng cao đến một độ khác hẳn xưa.

Thơ chúng ta ngày nay đang ở tuổi trẻ nhất của thời đại mới. Nhịp sống chúng ta, từ sau Cách mạng, đập lên nhiều phen dữ dội đến bàng hoàng, đồng thời mở rộng ào ạt. Chúng ta không còn sống khoan thai như một thời nào trước. Nhịp điệu cũ, theo tôi, không còn đủ cho thơ của chúng ta. Nhiều nhà thơ đang đập vỡ để xây dựng, thơ tìm tòi trăm nghìn phía nhưng lúc nào cũng là một sức đang lên như thổi.

Tôi cho rằng chúng ta không nên lo thơ đi vào hình thức này hay hình thức khác. Mà trước hết nên lo sao thơ phải nói lên được những tình cảm, tư tưởng mới của thời đại. Dùng bất cứ hình thức nào, miễn là thơ diễn tả được đúng tâm hồn con người mới ngày nay.

Vượt khỏi tất cả mọi luật lệ, không phải thơ trở nên buông thả, bừa bãi. Sự cầu thả, buông lỏng chưa bao giờ đi đôi được với nghệ thuật. Nhưng câu chuyện luật lệ trong thơ cũng như câu chuyện kỉ luật trong cách mạng. Kỉ luật của những tổ chức cách mạng chưa bao giờ dựa trên sự trừng phạt đe dọa mà tồn tại được, kỉ luật ấy phải tự giác mới bền vững. Nghệ thuật có kỉ luật sắt của nó, nhưng đó không thể là những trói buộc, lễ lối định sẵn bên ngoài. Nó phải là sự tự kiểm soát, tự chủ từ bên trong sự sáng tác mà ra. Bỏ những luật lệ máy móc bên ngoài, những luật lệ bản thân của nghệ thuật, những luật lệ từ bên trong mà ra, chỉ càng quan trọng hơn. Đập đổ bức tường giam trước mặt rồi, giới hạn chỉ còn đo sức đi xa của mình.

12 - 9 - 1949

*(Tuyển tác phần văn học Nguyễn Đình Thi,  
Tiểu luận – Bút kí, NXB Văn học, Hà Nội, 2001)*

## HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Tìm bố cục bài văn và nêu ý chính của từng phần.
2. Ở phần mở đầu, tác giả điếm qua những cách nhìn nhận phổ biến về thơ nhằm mục đích gì ?

3. Trong phần kế tiếp, tác giả đã diễn tả như thế nào về trạng thái tâm hồn con người khi có "rung động thơ" và vai trò của bài thơ trong việc thể hiện cũng như làm lan truyền sự rung động ấy ?
4. Theo tác giả, hình ảnh trong thơ có những đặc điểm gì ? Tìm hiểu nét độc đáo trong cách trình bày quan niệm về hình ảnh thơ của tác giả.
5. Đánh dấu những câu then chốt nói về chức năng của "chữ", "tiếng", về tính đặc thù của nhạc thơ, nhịp điệu thơ trong bài. Tìm thêm dẫn chứng để làm sáng tỏ các luận điểm của tác giả về vấn đề này.
6. Anh (chị) hiểu thế nào về nhận định sau đây của tác giả : "[...] một thời đại mới của nghệ thuật thường bao giờ cũng tạo ra một hình thức mới" ?
7. Đánh giá chung về quan niệm thơ cũng như cách trình bày quan niệm đó trong bài tiểu luận.

## THƯƠNG TIẾC NHÀ VĂN NGUYỄN HỒNG

NGUYỄN ĐĂNG MẠNH

### TIỂU DẪN

Nguyễn Đăng Mạnh sinh năm 1930 tại tỉnh Nam Định, trong một gia đình viên chức. Quê ở huyện Gia Lâm, Hà Nội. Ông công tác trong ngành giáo dục từ năm hai mươi mốt tuổi. Từ năm 1960, ông dạy học ở Khoa Văn, Trường Đại học Sư phạm Vinh và sau đó giảng dạy ở Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Nguyễn Đăng Mạnh vừa giảng dạy vừa nghiên cứu, phê bình văn học, chuyên sâu về văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến nay. Ông có nhiều đóng góp trong việc phát hiện tư tưởng nghệ thuật và phong cách những nhà văn tiêu biểu của văn học Việt Nam hiện đại như Hồ Chí Minh, Nguyễn Tuân, Vũ Trọng Phụng, Xuân Diệu, Nguyễn Hồng, Tô Hoài, Nam Cao, Nguyễn Khải, Nguyễn Ngọc,... Do tiếp xúc nhiều với các nhà văn, có quan hệ mật thiết với giới sáng tác, ông đã viết nhiều bài chân dung văn học đặc sắc. Văn nghiên cứu, phê bình của Nguyễn Đăng Mạnh vừa có giá trị khoa học vừa giàu tính nghệ thuật, tạo thành một phong cách riêng. Tác phẩm chính : *Nhà văn, tư tưởng và phong cách* (1979) ; *Mấy vấn đề về phương pháp tìm hiểu, phân tích thơ Hồ Chí Minh* (1981) ; *Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn* (1994) ; *Nhà văn Việt Nam hiện đại, chân dung và phong cách* (2000),...

Do có nhiều đóng góp cho nghiên cứu, phê bình văn học và sự nghiệp giáo dục, Giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh đã được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học và nghệ thuật năm 2000, được phong tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân năm 2002.

*Thương tiếc nhà văn Nguyễn Hồng* là bài viết tưởng niệm nhà văn lớn này ngay sau khi ông mất, được đăng lần đầu tiên trên báo *Nhân Dân*, số ra ngày 16 - 5 - 1982.

\*  
\*   \*  
\*

Văn Nguyễn Hồng bao giờ cũng lấp lánh sự sống. Những dòng chữ đầy chi tiết cứ cựa quậy, phập phồng. Một thứ văn bám riết lấy cuộc đời, quấn quýt lấy con người. Người ta thường nói nhà văn, nhà thơ cần có ba yếu tố chủ quan : tài, trí và tâm. Có cây bút chỉ mạnh về tài, về trí. Đọc Nguyễn Hồng, thấy tài và tâm, nhất là tâm, nổi lên hàng đầu. Mà "Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài", ở những nhà văn chân chính xưa nay, tâm bao giờ cũng là cái gốc. Tài và trí chỉ là cành, là ngọn. Nguyễn Hồng viết văn như là đặt luôn cái "tâm" nóng hổi của mình trên trang sách. Nếu cần nói thật khái quát một cái gì chung nhất cho mọi chủ đề tác phẩm của Nguyễn Hồng, thì đó là lòng nhân đạo, một chủ nghĩa nhân đạo bao giờ cũng thống thiết mãnh liệt. Nguyễn Hồng xuất hiện lần đầu trong đời sống văn học vào năm 1936, với truyện ngắn *Linh hồn*, đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy*. Truyện kể một người đàn bà nông dân nghèo khổ theo đạo Thiên Chúa bị tù oan khi đang có thai. Chị bị một tên cai tù hãm hiếp cho đến chết. Nguyễn Hồng bước vào nghề văn như thế đấy : để nói lên nỗi khổ đau oan ức không cùng của những người dân nghèo thấp cổ bé họng trong xã hội cũ, đặc biệt là người phụ nữ lao động. Từ tác phẩm đầu tay ấy, hình ảnh người đàn bà oan khổ kia cứ theo đuổi, ám ảnh ngòi bút của ông, từ *Bỉ vỏ*, *Những ngày thơ ấu*, *Quán Nài*,... đến bộ tiểu thuyết lớn *Cửa biển* sau này. Một đất nước như nước ta, chế độ phong kiến kéo dài, tiếp theo là ách thực dân, đế quốc, người phụ nữ vẫn là nạn nhân đau khổ nhất, chịu nhiều tầng áp bức nhất. Thái độ như thế nào đối với người phụ nữ và vấn đề phụ nữ, là thước đo hết sức quan trọng tính nhân dân, tính nhân đạo của các tác phẩm văn học.

Trước Cách mạng tháng Tám, có nhà phê bình nhận xét Nguyễn Hồng có cái tật cứ đổ dồn dập lên đầu nhân vật của mình đủ thứ tai họa trên đời. Đọc Nguyễn Hồng, thấy căng quá, nặng nề quá. Đúng là như thế. Nhưng tình cảm nhân đạo thống thiết của Nguyễn Hồng đòi hỏi ông phải viết như vậy. Nếu không thế, nói sao cho há, cho đã những tình cảm thống thiết của ông đối với thân phận người dân cùng ngày trước ? Và có như thế, ông mới tỏ hết được niềm tin mãnh liệt của mình đối với "thiện căn" bên vững của nhân dân lao động. Từ vực thẳm tối tăm ngày trước, từ đồng bùn rác ngập ngựa trong xã hội cũ, những Tám Bính, những mẹ La của tiểu thuyết Nguyễn Hồng vẫn giữ chắc bản chất hồn hậu, trong sáng của mình mà vươn lên, như những mầm cây căng nhựa, xuyên thủng lớp lớp bùn đất dày đặc để nhô lên đón lấy ánh sáng mặt trời.



Cuộc đời, khuynh hướng và phong cách viết của Nguyễn Hồng khiến người ta dễ nghĩ đến Mác-xim Gôóc-ki, tuy biết rằng, hai nhà văn ấy có những chỗ khác nhau về tâm cơ. Cả hai đều từng lăn lộn thật sự với những tầng lớp dưới đáy của xã hội cũ, cùng viết với một trái tim tha thiết yêu tin con người, cùng sớm giác ngộ lí tưởng cộng sản chủ nghĩa. Cả hai đều viết đủ thể loại : truyện ngắn, truyện dài, tiểu thuyết bộ ba, bộ bốn, hồi kí, bút kí, soạn kịch, làm thơ. Thời kì đầu cầm bút, họ đều viết nhiều về tầng lớp lưu manh. Họ cùng xây dựng được nhiều hình tượng bà mẹ rất đẹp đi từ bóng tối mịt mù của cuộc đời cũ, của thành kiến cũ, tới ánh sáng của thời đại mới. Họ đều có tài viết về những đám đông, những dòng người náo nhiệt : phu phen, thợ thuyền đổ ra hè phố khi tan tầm ở các nhà máy, hay trong những cuộc đình công, bãi công, v.v. Nhưng ở hai nhà văn ấy, sự gặp gỡ này có thể coi là đáng tự hào hơn cả : đối với lịch sử văn học của hai dân tộc Nga, Việt, họ đều thuộc số những nhà văn dẫn đầu trong việc ca ngợi lao động, phát hiện ở lao động một đối tượng thẩm mĩ thật sự. Văn tiểu thuyết của Nguyễn Hồng bao giờ cũng đầy cảm xúc, đầy chất thơ. Ngòi bút ấy đã chế tạo lấy cho mình một chất thơ độc đáo, không phải từ mây, gió, trăng, hoa, mà luyện bằng than bụi những nhà máy, những bến tàu, bằng sỏi đá những đôi khô cổ cháy, hoà với chất mồ hôi mặn chát và nóng bỏng của những người lao động. Trong sáng tác cũng như trong sinh hoạt hằng ngày, Nguyễn Hồng hiện lên như một tấm gương rất đẹp về sự gắn bó chặt chẽ giữa nghệ thuật và lao động. Con người ấy sinh ra từ môi trường lao động, tự rèn đúc thành chất người lao động, vì nhân dân lao động mà cầm bút viết và viết không ngừng, không nghỉ, cho đến hơi thở cuối cùng.

Nguyễn Tuấn có lần nói, ông sở trường về tả gió, còn tả nắng thì nhất Nguyễn Hồng. Nắng không thể thiếu trong phong cảnh thiên nhiên làm nền cho sinh hoạt của nhân vật tiểu thuyết Nguyễn Hồng. Một thứ nắng vùng cửa biển, pháp phối, lồng lộng. Một thứ nắng có sức sống, có linh hồn, cũng hoạt động sôi nổi như con người, thậm chí có lúc như reo lên, hét lên hoà với nhịp sống tung bùng náo nhiệt của thành phố Hải Phòng rực rỡ màu phượng vĩ. Dĩ nhiên, thiên nhiên vùng đất cảng đã ảnh hưởng tới thế giới thẩm mĩ của nhà văn. Nhưng người cầm bút phải có một tâm hồn như thế nào đấy thì cái ánh nắng kia mới đi vào tác phẩm rực rỡ như thế được. Nguyễn Hồng như có cái bản năng tự nhiên của cỏ cây luôn luôn hướng về ánh sáng. Một tâm hồn đầy ánh sáng, đầy ánh nắng. Dưới ánh nắng ấy, mọi cảnh vật ông mô tả đều tươi tốt, nở nang, màu mỡ, tràn đầy sức sống. Thứ ánh nắng có sức xua tan cả âm khí, tử khí trên những xác chết. Hãy xem một đoạn văn kì lạ của Nguyễn Hồng trong *Hơi thở tàn* (1943) tả một ông già nghèo khổ vừa tắt thở trong một nhà thương làm phúc, một buổi sáng mùa hè : "Khác hẳn lúc sống, mặt ông tươi và trắng hẳn lên. Mắt ông nhắm lim dim và hai bên môi hơi nhếch như ông đã bằng lòng một sự gì rồi cười cái nụ cười cuối cùng ấy sau mấy tiếng thì thầm. Hai chân ông dặng ra, hai cánh tay áp vào bụng, chẳng khác nào ông đã đón một người mà ôm vào lòng". Và "ánh nắng lại đón chào ông. Ánh nắng vàng ngời như lửa đốt của buổi sáng mùa hè lúc đó gió còn mát dịu, thổi chờn vờn những lá cây, lá cỏ lấp lánh sương...".

Cái gì đã tạo nên ở Nguyễn Hồng một chủ nghĩa lạc quan vững khoẻ đến như thế ? Đó là lí tưởng cách mạng mà nhà văn đã tiếp thu được ngay từ thời kì Mặt trận Dân chủ

Đông Dương, nhất là từ khoảng năm 1938 - 1939 trở đi. Đó là bản tính yêu đời, yêu sống của nhân dân lao động đã thấm vào máu thịt, tâm hồn ông. Đó là sức mạnh tinh thần của một con người bao giờ cũng sống hết mình với cuộc sống, với mọi người, mọi việc xung quanh. Thái độ thờ ơ, lạnh nhạt, hoài nghi là một cái gì hết sức xa lạ đối với Nguyễn Hồng. Làm sao có thể hình dung được một Nguyễn Hồng không còn hoạt động sôi nổi, hăm hở được nữa, một Nguyễn Hồng trái tim phải ngừng đập, đành nhắm mắt xuôi tay giữa cuộc đời muôn vàn yêu quý này của ông !

Quá trình sáng tác của Nguyễn Hồng như thế là đúng bốn mươi sáu năm liên tục (1936 - 1982). Ông để lại một khối lượng tác phẩm đồ sộ mà sức sáng tạo, cho đến phút cuối cùng, chưa hề có dấu hiệu gì vơi cạn. Dĩ nhiên, đánh giá một nhà văn, người ta nghĩ đến chất lượng hơn là số lượng những trang viết. Không thể nói rằng tác phẩm của Nguyễn Hồng đều là những đỉnh cao, những kiệt tác văn học. Nhưng đối với lịch sử văn học nước ta năm mươi năm qua, Nguyễn Hồng có một vị trí chắc chắn lắm, bền vững lắm. Tôi nghĩ rằng, văn học sử một dân tộc, nếu ví như một phòng triển lãm hội họa treo kín những bức tranh phản ánh những phương diện khác nhau của hiện thực xã hội, phong tục tập quán, phong cảnh thiên nhiên và tâm hồn dân tộc ấy thì một nhà văn có vị trí thật sự trong lịch sử văn học phải là tác giả của những bức tranh mà, nếu vì lí do nào đấy, phải tháo cất đi, thì phòng triển lãm cứ đành bỏ trống một mảng tường lớn, không lấy gì điền vào, thay vào cho tương xứng được. Ta cứ tưởng tượng xem, nếu không có những bức tranh của Nguyễn Hồng thì tình trạng sẽ thế nào ? Ai thay thế được Nguyễn Hồng để dựng lên bức tranh quy mô, hoành tráng về thành phố Hải Phòng cảng thẳng, sôi sục vào những năm bốn mươi đầy biến động của lịch sử dân tộc ? Ai sẽ vẽ nổi như Nguyễn Hồng chân dung những lão La, mẹ La, Gái Đen, cụ Cam, cụ Ước, v.v. những người lao động cùng khổ nhưng đầy sức sống của thành phố cảng, có một cái gì táo bạo, ngang ngược đấy, nhưng bản chất thẳng ngay, trung thực, giàu tình nghĩa, không phải chỉ là con đẻ của những giai cấp cần lao của một thành phố mới xây dựng, mà còn được sinh ra từ những truyền thống tinh thần tốt đẹp kết tinh tụ ngàn xưa của dân tộc mình ? Nguyễn Hồng không có những kiệt tác hoàn chỉnh, nhưng có những trang viết đáng gọi là kiệt tác. Nói riêng về bộ tiểu thuyết *Cửa biển*, tôi nghĩ đến những trang viết về mẹ La vượt ngục. Những trang viết thật dữ dội ! Người đàn bà này phải vượt qua hai cửa ngục khủng khiếp : cửa ngục của bà Chúa Ngục, và cửa ngục của bọn đế quốc ; những trang viết về Huệ Chi bước dần bước dần tới cái chết mà cứ lững thững như đi trong một thế giới huyền ảo tạo nên bởi những kỉ niệm đầy chất thơ của tình mẫu tử, tình quê hương, v.v. Văn Nguyễn Hồng thường tạo nên sự đối lập giữa ánh sáng và bóng tối, giữa thiên đường và địa ngục. Ông viết rất hay về những tính cách "thiên thần", nhưng cũng viết rất đạt về những tên quỷ sứ. Những trang viết về thằng mặt thám Tây Cậu, về tên vó lại Nguyễn Kim Tú - em Thi San, v.v. cũng là những trang không dễ gì có ai viết thay được.

Xuân Diệu có lần nói, Nguyễn Hồng có năng khiếu của một nhà văn lớn. Tôi cũng nghĩ như thế. Ông thành công ngay từ sáng tác đầu tay. Nhưng nếu như có những cây bút nào kia chỉ loé sáng lúc ban đầu rồi lụi tắt, thì Nguyễn Hồng, cả quá trình sáng tác

mấy chục năm, không có lúc nào viết xuống tay hẳn. Tác phẩm cuối cùng của ông là bộ tiểu thuyết *Núi rừng Yên Thế*. Tác phẩm mới in một tập. Bản thảo tập hai chưa ráo mực. Với bộ truyện viết về Đề Thám này, Nguyễn Hồng sẽ có thêm một đóng góp mới đối với văn học hiện đại nước ta, nói riêng về loại tiểu thuyết lịch sử. Tác phẩm chưa hoàn thành. Cái chết đến với nhà văn quá đột ngột, giữa đà sáng tác đang còn hào hứng và đầy hứa hẹn. Tiếc thay !

\*  
\*   \*  
\*

Nguyễn Hồng là con người rất dễ xúc động, rất dễ khóc. Ai từng tiếp xúc với Nguyễn Hồng đều thấy như thế. Khóc khi nhắc đến nỗi khổ của con người trong xã hội cũ. Khóc khi nghĩ đến công ơn cách mạng. Khóc khi ôn lại những kỉ niệm thắm thiết của mình với bạn bè, đồng chí. Khóc cả khi kể lại nỗi bất hạnh của những nhân vật do chính mình sáng tạo ra. Tôi đã được thấy Nguyễn Hồng khóc khi nói đến cái chết của Gái Đen trong *Con bão đã đến*. Người con gái tốt bụng, thẳng thắn ấy, vì nhẹ dạ, cả tin mà bị lừa dối đến nỗi uất lên mà chết trong một cơn trở dạ đau đớn. Kể đến đây, Nguyễn Hồng nghẹn ngào không nói được nữa, nước mắt ròng ròng. Ông khóc như người mẹ đứng trước cái chết của đứa con mình rút ruột đẻ ra, nhất là phải chết oan chết uổng, chết khốn chết khổ như Gái Đen. Nguyễn Hồng đã sống hơn sáu mươi năm, đã viết hơn bốn mươi năm, ai biết được ông đã đổ ra bao nhiêu nước mắt cho đời và cho nghệ thuật ? Bây giờ nằm dưới ba thước đất, nguồn nước mắt ấy, liệu có bao giờ khô cạn được chăng ?

Đồng Xa, 14 - 5 - 1982

*(Con đường đi vào thế giới nghệ thuật  
của nhà văn, NXB Giáo dục, 1994)*

### HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Dựa vào bố cục văn bản, anh (chị) hãy tóm tắt những nhận xét, đánh giá của tác giả về nhà văn Nguyễn Hồng thành hệ thống luận điểm.
2. Qua bài viết này, anh (chị) hiểu như thế nào về tấm lòng của Nguyễn Hồng đối với cuộc đời, con người, về chủ nghĩa lạc quan của nhà văn ?
3. Vị trí của Nguyễn Hồng trong lịch sử văn học dân tộc được nhà phê bình khẳng định như thế nào ? Theo tác giả bài viết, điều gì tạo nên vị trí ấy ?
4. Nhận xét tình cảm tác giả dành cho nhà văn Nguyễn Hồng. Phân tích những yếu tố tạo nên sức hấp dẫn của bài viết. (Chú ý cách kết hợp nhuần nhuyễn, tự nhiên giữa phân tích, đánh giá với so sánh, giải bày cảm nghĩ ; chú ý lời văn, cách xây dựng hình ảnh, ...).

# ĐÔ-XTÔI-ÉP-XKI<sup>(\*)</sup>

(Trích)

XVAI-GƠ

## TIỂU DẪN

Xtê-phan Xvai-gơ (Stefan Zweig, 1881 - 1942) là nhà văn Áo, sinh ở Viên trong một gia đình gốc Do Thái. Xvai-gơ học đại học ở Béc-lin, Viên và đã hoàn thành luận án tiến sĩ. Năm 1901, Xvai-gơ khởi đầu sự nghiệp sáng tác văn học bằng tập thơ *Những sợi dây đàn bằng bạc*. Ông từng đi du lịch đến châu Á, châu Phi và châu Mĩ. Vào giai đoạn cuối của Chiến tranh thế giới thứ nhất, Xvai-gơ gia nhập nhóm những nhà văn tiến bộ, đấu tranh chống chiến tranh. Sau khi chiến tranh kết thúc, Xvai-gơ quay về Áo và sống tại quê hương cho đến năm 1934. Khi chính sách "bài Do Thái" do phát xít Đức phát động lan rộng, Xvai-gơ phải sống lưu vong ở Anh. Năm 1941, ông đến Mĩ và lưu lại đó cho tới tháng 8, in tập hồi kí *Thế giới ngày hôm qua*. Sau đó ông cùng vợ sang Bra-xin và mất tại đây.

Ngoài làm thơ, Xvai-gơ còn viết kịch, sáng tác truyện ngắn và đặc biệt nổi tiếng với hàng loạt công trình nghiên cứu phác thảo chân dung các nhà văn bậc thầy của thế giới như Đô-xtôi-ép-xki, Ban-dắc, Đích-ken, Tôn-xtôi, Xtăng-đan,... Nhờ ông mà phong cách các nhà văn này thêm phần gần gũi và được hiểu thấu đáo hơn đối với châu Âu và cả thế giới.

\*  
\*   \*  
\*

Trái tim ông chỉ đập vì nước Nga còn thân thể ông sống leo lét trong một thế giới đối với ông là xa lạ. Không một nhà văn Đức, Pháp hoặc I-ta-li-a nào nhớ lại là đã gặp ông, đã nói với ông. Ông chỉ được biết đến ở ngân hàng, mà trước cửa tò vò của nó ông đứng chờ ngày lại ngày và với một giọng nói cảm động ông hỏi xem từ nước Nga tờ séc<sup>(1)</sup> của ông cuối cùng đã đến chưa : một trăm rúp ấy, mà vì chúng trong các thư của ông, ông đã biết

---

(\*) Phê-đo Mi-khai-lô-vích Đô-xtôi-ép-xki (1821 - 1881), đại văn hào Nga, tác giả của nhiều tiểu thuyết bất hủ. Ông là người mang tư tưởng tự do, dân chủ từng xung đột với Nga hoàng nên bị kết án tử hình, sau đổi thành án tù chung thân, bị đày đi Xi-bia. Cuộc đời ông luôn sống trong cảnh nghèo đói, bệnh tật. Để kiếm sống và trả nợ, ông phải cùng vợ lẩn trốn sang châu Âu nhiều năm, sáng tác trong những căn hộ tồi tàn. Trở về nước, ông vẫn sống trong bệnh tật và đói nghèo. Nhưng tác phẩm của Đô-xtôi-ép-xki đã mang lại cho ông tiếng tăm lừng lẫy. Đô-xtôi-ép-xki được xem là người khai sinh ra loại *tiểu thuyết đa thanh* (theo cách gọi của Ba-khơ-tin) và là nhà văn có ảnh hưởng rất lớn đến văn xuôi hiện đại thế kỉ XX.

(1) *Tờ séc* : lệnh viết của chủ tài khoản để ngân hàng trích tài khoản trả cho ai đó.

bao nhiêu lần quỳ gối trước những người xa lạ và thấp hèn. Các nhân viên ra mặt chế nhạo lão điên nghèo và sự chờ đợi vĩnh viễn của lão. Ông cũng là người khách chuyên cần của hiệu cầm đồ ; ông đã cầm cố ở đó tất cả, một lần đến cả cái quần đùi cuối cùng để đánh một cái điện về Xanh Pê-téc-bua, một tiếng kêu tuyệt vọng xé ruột mà ta luôn tìm thấy trong thư từ của ông.

[...] Suốt đêm ông làm việc trong khi ở phòng bên vợ ông rên rỉ trong những cơn đau đê. Con động kinh<sup>(1)</sup> chộp hòng ông ; chủ nhà không được trả tiền đe dọa gọi cảnh sát ; bà đờ đờ tiền nợ. Và ông viết *Tội ác và trừng phạt*, *Thằng ngốc*, *Lũ người quý ám*, *Con bạc* – những tác phẩm đồ sộ của thế kỉ XIX, đã tạo hình cho tất cả thế giới tinh thần của chúng ta.

Lao động là sự giải thoát và là nỗi thống khổ của ông ; nhờ nó ông sống trong Tổ quốc mình. Khi ngừng lại, ông ngạt thở với châu Âu như trong một nhà ngục ; vì vậy ông ngày càng bị thu hút vào các tác phẩm của mình. Đó là rượu ngọt làm ông ngây ngất ; đó là niềm hoan lạc<sup>(2)</sup> lớn lao nhất của ông. Đôi khi ông ngưng lại để đếm các ngày như trước đây đã đếm cái cọc của trại giam<sup>(3)</sup>. Trở về như một kẻ hành khất, nhưng là trở về ! Nước Nga ! Nước Nga, đó là tiếng gọi vĩnh cửu của niềm tuyệt vọng của ông. Song ông chưa có quyền được trở về ; vì chính sự lớn lao của tác phẩm ông, ông phải vẫn là người không tên, kẻ bị đoạ đầy của những đường phố xa lạ, đau khổ một mình mà không than vãn. Ông tiếp tục sống giữa giống người chấy rận trước khi vươn lên ánh sáng rực rỡ của niềm vinh quang đời đời. Những thiếu thốn đã uốn còng lưng ông ; những quả chùy của bệnh tật càng giáng thường xuyên hơn xuống não cân ông ; nhiều ngày dài ông nằm trong một sự đờ đẫn hoàn toàn. Vừa lúc sức khoẻ trở lại, ông lê tới phòng làm việc. Năm mươi tuổi, nhưng ông đã chịu hàng thế kỉ dằn vặt.



Chân dung Đô-xtôi-ép-xki  
(Tranh do họa sĩ Va-xi-li Pê-rốp vẽ năm 1872)

Cuối cùng, vào thời điểm của sự tuyệt vọng lớn nhất, số mệnh phán bảo thế là kết thúc. Đức Chúa Trời quay nhìn về phía Gióp<sup>(4)</sup>. Năm mươi hai tuổi, ông được quyền trở về Tổ quốc. Các sách của ông đã biện hộ cho sự nghiệp của ông. Tước-ghê-nhép, Tôn-xtôi

(1) *Động kinh* : co giật và bất tỉnh (do bệnh thần kinh gây nên).

(2) *Hoan lạc* : vui sướng.

(3) Trại giam nơi ông bị tuyên án tử hình.

(4) *Đức Chúa Trời quay nhìn về phía Gióp* : theo kinh *Cựu ước* của Thiên Chúa giáo, Gióp là người đạo đức, chịu nhiều bất hạnh nhưng vẫn vững tin vào Chúa. Cuối cùng Chúa ban phước lành để Gióp trường thọ, hạnh phúc.

bị lu mờ. Nước Nga chỉ còn đổ dồn mắt vào ông. *Nhật kí của một nhà văn* biến ông thành sứ giả của xứ sở mình. Nghệ thuật hoàn hảo nhất của ông, sức lực cuối cùng của ông, ông hiến dâng cho di chúc của mình, cho dân tộc mình : *Anh em nhà Ka-ra-ma-dốp*.

Ý nghĩa của số phận biểu lộ ra với ông ; sau tất cả những thử thách ông đã chịu, một giây hạnh phúc tuyệt đỉnh đã được ban cho ông để ông hiểu rằng hạt đã gieo xuống, mùa gặt sẽ vô tận. Thắng lợi của Đơ-xtôi-ép-xki dồn lại trong một giây, cũng như ngày trước, trước những nỗi khổ hạnh của ông, Đức Chúa Trời ném cho ông một tia chớp, lần này không phải để tiêu diệt ông mà giống như những tia chớp, nhờ đó, trong một cỗ xe rục rữa, Đức Chúa Trời mang các tông đồ<sup>(1)</sup> của Người vào cõi vĩnh hằng.

Vào dịp kỉ niệm ngày sinh của Pu-skin, các nhà văn lớn nước Nga được mời đọc những diễn văn tưởng niệm. Tước-ghê-nhép, người thân phương Tây, kẻ kinh địch suốt đời cướp mất vinh quang của Đơ-xtôi-ép-xki, đọc trước tiên. Một sự đón nhận khả ái, nhưng hơi lạnh nhạt. Ngày hôm sau, người ta nhường lời cho Đơ-xtôi-ép-xki. Trong niềm ngất ngây của quý dữ, ông vung lời như sấm sét. Với một sự thành kính xuất thần, bằng giọng nói trầm, khàn, ông báo trước sứ mệnh thiêng liêng của sự tổng hoà giải của nước Nga. Như bị hạ gục, đám đông quỳ xuống ; căn phòng rung lên trong sự bùng nổ của hoan hỉ ; các bà hôn bàn tay ông, một sinh viên ngất xỉu dưới chân ông. Tất cả những diễn giả khác từ chối không nói nữa. Sự hứng khởi thật không giới hạn ; một vòng hào quang chói lọi bao quanh cái đầu của người bị hành khổ này.

Số phận của ông đã được quyết định như vậy : một phút ánh sáng rực rỡ để chứng tỏ rằng sứ mệnh đã hoàn thành, tác phẩm đã thắng lợi ; rồi khi quả đã được cứu thoát, vô khờ rúng xuống. Đơ-xtôi-ép-xki qua đời ngày 10 tháng 2 năm 1881. Một cơn run rẩy lay động toàn nước Nga ; một phút đau đớn căm lạng, rồi cùng một lúc, không thoả thuận trước, từ các thành phố xa xôi nhất, các đoàn đại biểu kéo đến để viếng ông. Một làn sóng yêu thương cuồng nhiệt dâng lên từ mọi nơi của thành phố ngàn tháp chuông<sup>(2)</sup>, song đã quá chậm, than ôi ! Ai ai cũng muốn nhìn thấy người quá cố mà họ đã lãng quên suốt cả cuộc đời. Phố Thọ Rền nơi quán linh cữu ông đen nghịt người ; run rẩy, im lặng, đám đông leo các bậc thang của ngôi nhà công nhân và chen chúc quanh quan tài ông. Sau vài giờ, cái giường đầy hoa nơi người ta đặt thi hài ông đã biến mất ; như những di vật quý báu, các bông hoa đã bị lấy đi. Không khí căn phòng nhỏ trở nên ngột ngạt tới mức các ngọn nến tắt lịm. Đám đông mỗi lúc một siết chặt quanh thi hài ; cái quan tài lắc lư sắp đổ. Người quả phụ và mấy đứa con hãi hùng phải giữ vững nó lại.

Ông cảnh sát trưởng muốn cấm tiến hành tang lễ công khai bởi vì các sinh viên có ý định mang xiềng xích người khổ sai đi theo sau quan tài Đơ-xtôi-ép-xki ; ông ta không dám thách thức với một niềm hứng khởi sẵn sàng dùng vũ khí buộc người ta phải chấp nhận mình. Trong một tiếng đồng hồ, giấc mơ thiêng liêng của Đơ-xtôi-ép-xki

---

(1) *Tông đồ* : tín đồ trung thành, tích cực truyền bá một tôn giáo.

(2) Tức Xanh Pê-téc-bua.

được thực hiện trong đám tang ông : sự đoàn kết của tất cả những người Nga. Cũng như tình cảm anh em của tất cả các giai cấp và tất cả các đảng cấp của nước Nga truyền sinh khí vào tác phẩm ông, nỗi đau khổ đã đúc thành một khối thống nhất, hàng ngàn người đi theo sau linh cữu ông. Dưới một rừng cờ và cờ hiệu phấp phới trước gió, các vị vương tôn trẻ, các giám trường<sup>(1)</sup> ăn mặc lộng lẫy, công nhân, sinh viên, sĩ quan, người hầu và người hành khất đi bên nhau khóc người quá cố rất thân thiết đối với họ. Nhà thờ nơi diễn ra lễ cầu siêu<sup>(2)</sup> rải đầy hoa ; trước mộ ông còn để ngỏ, tất cả các đảng phái đoàn kết lại trong một lời nguyện yêu thương và cảm phục.

Trong giờ phút cuối cùng ông đã cho đất nước ông một sự hoà giải chốc lát, đã kiểm chế một lần cuối sự cuồng nhiệt của các mâu thuẫn thời đại ông.

Như một lời chào cao cả gửi người quá cố, Cách mạng, trái mìn khủng khiếp nổ ra phía sau đoàn đưa tang ông. Ba tuần sau, Nga hoàng<sup>(3)</sup> bị ám sát ; tiếng sấm của sự nổi dậy rền vang. Những tia chớp báo thù rạch dọc ngang khắp đất nước. Cũng như Bết-thô-ven<sup>(4)</sup>, Đô-xtôi-ép-xki qua đời giữa dông bão, giữa những nguyên tố bị kích động dữ dội.

(NGUYỄN DƯƠNG KHUẾ dịch qua bản tiếng Pháp,  
*Ba bậc thầy : Đô-xtôi-ép-xki, Ban-dắc, Đích-ken,*  
NXB Giáo dục, 1996)

### HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Có thể chia bài viết làm mấy phần ? Tìm câu thể hiện luận điểm chính của mỗi phần.
2. Tìm những chi tiết, những từ ngữ miêu tả nổi cùng quần về đời sống vật chất và tinh thần của Đô-xtôi-ép-xki. Hãy nêu nhận xét về cách lập luận của Xvai-gơ.
3. Sự thành công của Đô-xtôi-ép-xki được miêu tả như thế nào ? Kể tên các tác phẩm tiêu biểu của ông.
4. Qua lời miêu tả của Xvai-gơ, cái chết của Đô-xtôi-ép-xki và thực tiễn đoàn kết dân tộc Nga hiện lên như thế nào ?
5. Qua bài viết của Xvai-gơ về Đô-xtôi-ép-xki, anh (chị) hiểu thế nào là một nhà văn vĩ đại ?

---

(1) *Giáp trường* : linh mục của nhà thờ Chính thống giáo Xla-vo, như ở Nga, U-crai-na, Bun-ga-ri,...

(2) *Cầu siêu* : cầu cho linh hồn người chết được siêu thoát.

(3) Nga hoàng A-lếch-xan-đơ II bị các nhà cách mạng tư sản Nga ám sát ngày 1 - 3 - 1881.

(4) *Bết-thô-ven* (Ludwig van Beethoven, 1770 - 1827) : nhạc sĩ vĩ đại người Đức.